TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN ĐỊNH** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **02**/2025/DS-ST
Ngày: 03 - 4 – 2025
V/v *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN ĐỊNH, TỈNH THANH HÓA

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Viết Nguyên.

2. Bà Trần Thị Hiền.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Nương - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định, Thanh Hóa tham gia phiên tòa*:** Bà Phạm Thị Tân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 4 năm 2025, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 63/2024/TLST-DS ngày 22 tháng 10 năm 2024 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2025/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2025/QĐST-DS ngày 24 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: 1. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1964.

2. Ông Ngô Văn T, sinh năm 1960 (Ông T đã có văn bản ủy quyền cho bà Nguyễn Thị M, là vợ).

Đều trú tại: Thôn B, xã Đ, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: 1. Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1990.

2. Anh Lê Văn L, sinh năm 1991.

Đều trú tại: Thôn D 2, xã Đ, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt bà M, chị T và anh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 13 tháng 10 năm 2024, bản tự khai ngày 06 tháng 11 năm 2024, quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị M trình bày:

Vợ chồng bà có mối quan hệ bạn bè thân thiết với mẹ đẻ của anh Lê Văn L. Khi đó vợ chồng anh Lê Văn L và chị Hoàng Thị T có nhu cầu vay tiền để làm ăn nên đã hỏi vay tiền của vợ chồng bà. Vợ chồng bà đồng ý cho anh L, chị T vay tiền. Ngày 13/9/2019, vợ chồng bà cho vợ chồng anh L, chị T vay số tiền là 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng). Giấy vay tiền là do chị Hoàng Thị T đứng ra viết và anh Lê Văn L đồng ý, cùng ký vào giấy vay tiền. Thời hạn vay tiền là khi gia đình bà cần. Khi viết giấy vay, do xác định vay trong thời gian ngắn nên hai bên không ghi lãi xuất cụ thể trong giấy vay, chỉ thỏa thuận miệng với nhau là lãi xuất 02%/tháng, trả lãi hàng tháng.

Sau khi vay tiền, vợ chồng chị T, anh L đã trả lãi hết tháng 02/2020 và không viết giấy tờ gì. Từ tháng 03/2020 đến nay chưa trả tiền lãi. Và cũng từ đầu năm 2020, gia đình bà cần tiền nên đã đòi vợ chồng anh L, chị T nhiều lần nhưng anh chị đều không trả tiền gốc và lãi với lý do là điều kiện kinh tế làm ăn khó khăn. Do vậy, gia đình bà làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Yên Định giải quyết buộc vợ chồng anh Lê Văn L và chị Hoàng Thị T phải trả nợ như sau:

- Nợ gốc: 500.000.000đ;

- Nợ lãi: Khi vay hai bên thỏa thuận lãi xuất 02%/tháng nhưng vì điều kiện vợ chồng anh L, chị T cũng khó khăn nên nay chỉ yêu cầu trả lãi theo lãi xuất là 01%/tháng. Thời gian trả tiền lãi gia đình bà chỉ tính theo sự thỏa thuận của hai bên đến ngày hòa giải 25/12/2024 là 04 năm (tức 48 tháng) và tiếp tục tính lãi từ sau ngày hòa giải là 26/12/2024 đến ngày xét xử 03/4/2025 là 03 tháng 08 ngày với lãi xuất là 01%/tháng. Tổng thời gian trả lãi là: 51 tháng 08 ngày, bằng:

500.000.000đ x 01%/tháng x 51 tháng 08 ngày = 256.300.000đ.

Tổng cộng cả gốc và lãi tính đến ngày xét xử 03/4/2025 là 756.300.000đ và tiền lãi cho đến khi trả hết nợ với lãi xuất là 01%/tháng.

Tại bản tự khai ngày 06 tháng 11 năm 2024 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Ngô Văn T trình bày:

Ông là chồng của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M. Ông thống nhất với quan điểm như bà M về việc yêu cầu vợ chồng anh Lê Văn L, chị Hoàng Thị T phải trả khoản nợ đã vay ngày 13/9/2019 cho gia đình ông. Yêu cầu vợ chồng anh L, chị T phải trả tiền nợ gốc, nợ lãi giống quan điểm của vợ ông là bà Nguyễn Thị M đã trình bày.

Tại bản tự khai ngày 06 tháng 11 năm 2024, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn chị Hoàng Thị T trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên vợ chồng chị có vay mượn tiền của vợ chồng bà Nguyễn Thị M, ông Ngô Văn T. Ngày 13/9/2019, chị có viết giấy vay tiền 500.000.000đ, chồng chị là anh Lê Văn L cũng biết số tiền vay này và ký vào giấy vay tiền. Khi vay không viết lãi xuất nhưng chúng tôi thỏa thuận với nhau là

02%/tháng. Thời hạn vay là đến khi vợ chồng bác Mai cần tiền. Qúa trình vay nợ vợ chồng chị chưa trả được tiền gốc. Đối với tiền lãi có trả được khoảng hơn 01 năm kể từ ngày viết giấy vay 13/9/2019. Việc trả lãi thì giữa hai bên không viết giấy tờ gì.

Sau khi vay nợ, vợ chồng bác Mai cần tiền và có hỏi tiền của vợ chồng chị nhưng vì điều kiện làm ăn khó khăn nên vợ chồng chị chưa trả được tiền cho vợ chồng bác Mai. Nay vợ chồng bác Mai khởi kiện đến Tòa án yêu cầu vợ chồng chị phải trả số tiền cụ thể:

- Nợ gốc: 500.000.000đ;

- Nợ lãi được tính theo sự thỏa thuận của hai bên đến ngày hòa giải 25/12/2024 là 04 năm (tức 48 tháng) và tiếp tục tính lãi từ sau ngày hòa giải là 26/12/2024 đến ngày xét xử 03/4/2025 là 03 tháng 08 ngày với lãi xuất là 01%/tháng. Tổng thời gian trả lãi là: 51 tháng 08 ngày bằng:

500.000.000đ x 01%/tháng x 51 tháng 08 ngày = 256.300.000đ.

Tổng cộng cả gốc và lãi tính đến ngày xét xử 03/4/2025 là 756.300.000đ và tiền lãi cho đến khi trả hết nợ thì chị đồng ý.

Tại bản tự khai ngày 25 tháng 12 năm 2024, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Lê Văn L trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên vợ chồng anh có vay mượn tiền của vợ chồng bà Nguyễn Thị M, ông Ngô Văn T. Ngày 13/9/2019, vợ anh là chị Hoàng Thị T có viết giấy vay số tiền là 500.000.000đ; anh có biết và ký vào giấy vay tiền này. Khi vay hai bên không viết lãi xuất nhưng có thỏa thuận với nhau là 2.000đ/01 triệu/01 ngày. Thời hạn vay là đến khi vợ chồng bác Mai cần tiền. Qúa trình vay nợ vợ chồng anh chưa trả được tiền gốc, còn tiền lãi đã trả được gần hai năm, sau đó trả lãi nhỏ giọt do kinh tế khó khăn. Việc trả lãi thì giữa hai bên không viết giấy tờ gì.

Sau khi vay nợ, vợ chồng bác Mai cần tiền và có hỏi tiền của vợ chồng anh nhưng vì điều kiện làm ăn khó khăn và công việc làm ăn kinh tế bị phá sản nên vợ chồng anh chưa trả được tiền gốc và lãi cho vợ chồng bác Mai. Nay vợ chồng bác Mai khởi kiện đến Tòa án yêu cầu vợ chồng anh phải trả số tiền gốc và lãi tính đến ngày xét xử 03/4/2025 là 756.300.000đ và tiền lãi cho đến khi trả hết nợ thì anh đồng ý nhưng vì điều kiện khó khăn, chưa có tiền nên xin được trả dần.

Tại phiên hòa giải ngày 25/12/2024, các bên đương sự thống nhất thỏa thuận: Vợ chồng chị Hoàng Thị T và anh Lê Văn L còn nợ của vợ chồng ông Ngô Văn T và bà Nguyễn Thị M số tiền gốc là: 500.000.000đ và tiền lãi là: 240.000.000 đồng. Tổng số tiền cả gốc và lãi tính đến ngày 25/12/2024 là 740.000.000 đồng (Bảy trăm bốn mươi triệu đồng). Chị T và anh L chấp nhận trả số tiền là 740.000.000đ cho ông T, bà M. Tuy nhiên, các bên chưa thống nhất được phương án trả nợ.

Tại phiên tòa: Bà M yêu cầu vợ chồng chị Hoàng Thị T, anh Lê Văn L phải chịu trách nhiệm trả nợ cả gốc và lãi cho gia đình bà tính đến ngày xét xử 03/4/2025 là 756.300.000đ và tiền lãi cho đến khi trả hết nợ với lãi xuất là 01%/tháng.

Chị T, anh L thống nhất trả nợ nhưng vì điều kiện kinh tế khó khăn chưa có để trả cho vợ chồng bà M và xin được trả dần.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã xác định đúng quan hệ tranh chấp, thực hiện việc giải quyết vụ án đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa, HĐXX, Thư ký phiên tòa đã tiến hành xét xử đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật; bị đơn về cơ bản thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng của mình.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 3 Điều 26, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc chị Hoàng Thị T và anh Lê Văn L phải trả nợ cho bà Nguyễn Thị M và ông Ngô Văn T số tiền gốc và lãi tính đến ngày xét xử 03/4/2025 là 756.300.000đ và tiền lãi từ sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán hết nợ với lãi xuất là 01%/tháng. Về án phí: Đề nghị HĐXX thực hiện theo quy định của pháp luật.

Yêu cầu, kiến nghị khắc phục vi phạm: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vào ngày 13/9/2019, vợ chồng chị Hoàng Thị T, anh Lê Văn L có vay của vợ chồng bà Nguyễn Thị M với số tiền là 500.000.000đ, hiện nay không trả được. Do đó, xác định đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Bị đơn chị Hoàng Thị T, anh Lê Văn L có hộ khẩu thường trú và nơi ở hiện nay tại Thôn D 2, xã Đ, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Yên Định giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

1.2. Về thời hiện khởi kiện: Việc khởi kiện của nguyên đơn đang trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

2.1. Về số tiền nợ gốc: Các bên đương sự bà Nguyễn Thị M, chị Hoàng Thị T và anh Lê Văn L đều thừa nhận: Vào ngày 13/9/2019, vợ chồng chị T, anh L vay của vợ chồng bà M số tiền 500.000.000đ. Khi vay, hai bên đều lập giấy vay tiền và có thỏa thuận về thời điểm trả tiền, lãi xuất vay. Tuy nhiên, trong quá trình vay tiền, khi vợ chồng bà M cần tiền đã đòi nhiều lần nhưng vì điều kiện kinh tế làm ăn gặp khó khăn nên vợ chồng chị T, anh L chưa trả được cho vợ chồng bà M đồng nào tiền gốc. Đây là những nội dung vay nợ được các bên thừa nhận nên không cần phải chứng minh. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

Vợ chồng bà M yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng chị T, anh L phải trả số tiền gốc đã vay là 500.000.000đ. Vợ chồng chị T, anh L chấp nhận trả nợ gốc cho vợ chồng bà M nhưng xin trả dần vì hiện nay chưa có tiền. Bà M không đồng ý cho trả nợ dần. Hội đồng xét xử xét thấy, số tiền nợ gốc được hai bên thống nhất, bà M không đồng ý cho vợ chồng chị T, anh L trả nợ dần nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc vợ chồng chị Hoàng Thị T và anh Lê Văn L phải trả cho vợ chồng bà M số tiền nợ gốc là 500.000.000đ.

2.2. Về tiền lãi: Khi vay tiền, các bên đương sự có thỏa thuận miệng với nhau lãi xuất là 02%/tháng. Qúa trình vay nợ, vợ chồng chị T, anh L có trả tiền lãi cho vợ chồng bà M nhưng thời gian trả cụ thể là bao nhiêu, số tiền như thế nào thì không nhớ rõ và không viết giấy tờ trả lãi. Bà M trình bày vợ chồng chị T đã trả lãi từ tháng 09/2019 đến tháng 02/2020, mỗi tháng trả 10.000.000đ. Anh L trình bày các bên có thỏa thuận lãi xuất là 2.000đ/01 triệu/01 ngày nhưng không có giấy tờ chứng minh. Tại buổi hòa giải ngày 25/12/2024, các bên đương sự đã thống nhất thỏa thuận, khi vay với lãi xuất là 2,0%/tháng nhưng vì điều kiện vợ chồng chị T, anh L khó khăn nên nay vợ chồng bà M chỉ yêu cầu trả lãi với lãi xuất là 01%/tháng. Thời gian trả lãi tính từ ngày 13/9/2019 đến ngày hòa giải 25/12/2024 là 63 tháng 13 ngày nhưng vợ chồng chị T đã trả được mấy tháng tiền lãi nên nay vợ chồng bà M chỉ yêu cầu trả tiền lãi là 04 năm (tức 48 tháng) và tiếp tục tính lãi từ sau ngày hòa giải là 26/12/2024 đến ngày xét xử 03/4/2025 là 03 tháng 08 ngày với lãi xuất là 01%/tháng. Tổng thời gian trả lãi là: 51 tháng 08 ngày bằng: 500.000.000đ x 01%/tháng x 51 tháng 08 ngày = 256.300.000đ và tiền lãi cho đến khi thanh toán hết nợ với lãi xuất là 01%/tháng.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc thống nhất thỏa thuận giữa các đương sự tại phiên hòa giải là tự nguyện và hoàn toàn phù hợp. Tại phiên tòa, bà M vẫn giữ nguyên yêu cầu về việc trả lãi theo như các bên thỏa thuận tại phiên hòa giải ngày

25/12/2024; bị đơn chị T, anh L cũng thống nhất theo yêu cầu của bà M. Do đó, yêu cầu trả tiền lãi của bà M là có cơ sở chấp nhận. Buộc vợ chồng chị T, anh L phải trả cho vợ chồng bà M tiền lãi đến ngày hòa giải 25/12/2024 là 04 năm (tức 48 tháng) và tiền lãi từ ngày 26/12/2024 đến ngày xét xử 03/4/2025 là 03 tháng 08 ngày với lãi xuất 01%/tháng. Tổng cộng thời gian trả lãi là: 51 tháng 08 ngày bằng: 500.000.000đ x 01%/tháng x 51 tháng 08 ngày = 256.300.000đ và tiền lãi cho đến khi thanh toán hết nợ với lãi xuất là 01%/tháng.

Vậy tổng cộng số tiền gốc và lãi vợ chồng chị T, anh L phải trả cho vợ chồng bà M, ông T tính đến ngày xét xử 03/4/2025 là 756.300.000đ.

2.3. Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn vợ chồng chị T, anh L phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vợ chồng bà M, ông T là người cao tuổi có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí nên không phải xử lý tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 429, Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M và ông Ngô Văn T.

Buộc chị Hoàng Thị T và anh Lê Văn L phải liên đới chịu trách nhiệm trả nợ cho bà Nguyễn Thị M, ông Ngô Văn T tổng cộng số tiền cả gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm 03/4/2025 là 756.300.000đ (*Bảy trăm năm mươi sáu triệu, ba trăm nghìn đồng*), trong đó: Tiền gốc là 500.000.000đ (*Năm trăm triệu đồng*) và tiền lãi 256.300.000đ (*Hai trăm năm mươi sáu triệu, ba trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, vợ chồng chị T, anh L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất 01%/tháng.

2. Về án phí: Chị Hoàng Thị T và anh Lê Văn L phải liên đới chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 34.252.000đ (*Ba mươi bốn triệu, hai trăm năm mươi hai nghìn đồng*).

3. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Yên Định;
- Chi cục THADS huyện Yên Định;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

Nguyễn Thị Hoa

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hiền **Phạm Viết Nguyên** **Nguyễn Thị Hoa**